

Số: 12/2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHÓA X,  
KỲ HỌP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT  
(THÁNG 8 NĂM 2022)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp); Báo cáo thẩm tra số 120/BC-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình phải hướng tới đạt mục tiêu thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn theo các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*) giai đoạn 2021-2025 ban hành tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

4. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

5. Không sử dụng kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nội dung, nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí từ các Chương trình, dự án khác.

6. Trong cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (*kể cả chương trình, dự án khác*), đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

**Điều 3. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp) như sau:**

1. Nội dung, mức hỗ trợ: Quy định chi tiết tại phụ lục số 01 và phụ lục số 02 kèm theo.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các văn bản liên quan do các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**3. Nguồn vốn thực hiện**

Nguồn vốn trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất (tháng 8 năm 2022) thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận: *TR*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- LDVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, *TR*

**CHỦ TỊCH**

**Phương Thị Thanh**

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
ĐẾN NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối thiểu (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối đa)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ BẢN ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, ĐẢM BẢO KẾT NỐI NÔNG THÔN – ĐÔ THỊ VÀ KẾT NỐI CÁC VÙNG MIỀN</b>				
	Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền.	99	94,3	4,7	1
<b>II</b>	<b>NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA NÔNG THÔN; BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN</b>				
	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở				
1	<i>Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ tối đa:</i> - Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế; - Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế; - Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế; - Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.	99	94,3	4,7	1

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối thiểu (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối đa)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
2	<p>Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ tối đa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện 100 triệu đồng/01 tủ sách;</li> <li>- Thư viện, tủ sách xã là 50 triệu đồng/01 tủ sách;</li> <li>- Tủ sách thôn là 30 triệu đồng/tủ sách.</li> </ul>	99	94,3	4,7	1
3	<p>Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ tối đa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã 50 triệu đồng/01 năm;</li> <li>- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn 30 triệu đồng/01 năm.</li> </ul>	99	94,3	4,7	1

**PHỤ LỤC SỐ 2**  
**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**  
**MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
**ĐẾN NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)		Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)	
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa		Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ BẢN ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, ĐẢM BẢO KẾT NỐI NÔNG THÔN – ĐÔ THỊ VÀ KẾT NỐI CÁC VÙNG MIỀN</b>				
	Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn ( <i>Nội dung chi cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ).				
1	<i>Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch chung xây dựng xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.</i>	73,5	70	3,5	26,5
2	<i>Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp điều kiện vùng miền</i>	73,5	70	3,5	26,5
3	<i>Xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp, thiết kế đơn giản, dễ xây dựng, sử dụng, vận hành</i>	73,5	70	3,5	26,5
4	<i>Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương</i>	73,5	70	3,5	26,5
5	<i>Tuyên truyền, vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô</i>	100	95,2	4,8	0

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)		Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)	
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa		Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu
	<i>hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải chưa được xử lý phát sinh ra môi trường</i>				
<b>II</b>	<b>TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN</b>				
1	Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.	100	95,2	4,8	0
2	Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.				
2.1	Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một (1) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn. <i>Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%, tối đa không quá 300 triệu đồng).</i> <i>Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (Ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng).</i> <i>Xây dựng mô hình khuyến nông.</i> <i>Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.</i>	70	66,7	3,3	30

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)		Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)	
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa		Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu
-	<p>Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.</p> <p>Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.</p> <p>Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.</p>				
2.2	<p>Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một (1) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn không phải khó khăn, đặc biệt khó khăn</p> <p>Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%, tối đa không quá 300 triệu đồng).</p> <p>Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (Ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng).</p> <p>Xây dựng mô hình khuyến nông</p> <p>Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.</p> <p>Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.</p> <p>Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.</p> <p>Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.</p>	50	47,6	2,4	50

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
3	Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại ( <i>Hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i> ).	52,5	50	2,5	47,5
4	Bảo tồn và phát huy các làng nghề ở nông thôn: Điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các làng nghề.	100	95,2	4,8	0
5	Thực hiện Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị				
5.1	<i>Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.</i>	73,5	70	3,5	26,5
5.2	<i>Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i>	73,5	70	3,5	26,5
III	<b>NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG; XÂY DỰNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP, AN TOÀN; GIỮ GÌN VÀ KHÔI PHỤC CẢNH QUAN TRUYỀN THỐNG NÔNG THÔN</b>				
1	Thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh ( <i>Nội dung chi đã được cụ thể tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ).				

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)			Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa	Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu	
1.1	<i>Chi tổ chức thực hiện Đề án/Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và môi trường</i>	73,5	70	3,5	26,5
1.2	<i>Thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh.</i>	73,5	70	3,5	26,5
2	<i>Chi xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường (Hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định khu vực ô nhiễm; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường).</i>	73,5	70	3,5	26,5
3	<i>Xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn (Nội dung thực hiện theo Điều 18, Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</i>	73,5	70	3,5	26,5
4	<i>Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025” (Nội dung thực hiện theo Điều 20, Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</i>	73,5	70	3,5	26,5

STT	Nội dung hỗ trợ	Ngân sách nhà nước (%)		Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa (%)	
		Tổng số (hỗ trợ tối thiểu)	Trong đó		
			Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa		Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu
IV	<b>NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ; THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHỆ SỐ, TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN, BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI</b>				
	Hỗ trợ Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh.	99	70	29	1
V	<b>NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>				
1	Xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.	73,5	70	3,5	26,5
2	Hỗ trợ nhân rộng mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp tỉnh; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ.	80	76,2	3,8	20
3	Hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “ <i>Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch</i> ”. Tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.	73,5	70	3,5	26,5